

CÔNG ĐOÀN GIAO THÔNG VẬN TẢI VN
CÔNG ĐOÀN TỔNG CÔNG TY ĐT PT
ĐƯỜNG CAO TỐC TỐC VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 159 /CD - VEC

V/v: Hướng dẫn các Công đoàn cơ sở nộp Đoàn phí
Công đoàn lên cấp trên năm 2023 .

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2023

CÔNG VĂN ĐẾN

Số: 146
Ngày 11 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: Các Công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn VEC

Căn cứ Quyết định số 6756/QĐ-TLĐ ngày 10/02/2023 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc phê duyệt Dự toán tài chính công đoàn năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1740/QĐ-CDN ngày 29/5/2023 của Công đoàn Giao thông vận tải Việt Nam về việc phê duyệt Dự toán tài chính công đoàn năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 1911/CDN ngày 24/7/2023 của Công đoàn Giao thông vận tải Việt Nam về việc mở tài khoản chuyên thu KPCĐ 2% phân cấp và phân phối nguồn thu TCCĐ.

Công đoàn Tổng công ty Đầu tư phát triển đường cao tốc Việt Nam (Công đoàn VEC) hướng dẫn các Công đoàn cơ sở trực thuộc nộp Đoàn phí Công đoàn năm 2023 lên Công đoàn VEC là 30% số đoàn phí công đoàn thu tại đơn vị và được sử dụng 70% đoàn phí công đoàn, Công đoàn cơ sở cân đối lại nguồn thu, chi, quản lý tài chính năm 2023 theo quy định. Đồng thời, Công đoàn VEC đề nghị các Công đoàn cơ sở hàng quý gửi báo cáo tình hình trích nộp KPCĐ và ĐPCĐ lên cấp trên về Công đoàn VEC.

Hiện nay, các Công đoàn cơ sở đã Đại hội Công đoàn nhiệm kỳ 2023-2028 và được chuẩn y Ban chấp hành. Vì vậy, Công đoàn VEC đề nghị các Công đoàn cơ sở xem xét và sửa đổi lại quy chế quy định thu, chi, quản lý tài chính, tài sản tại công đoàn cơ sở của đơn vị cho phù hợp.

Trân trọng./.

Nơi nhận: *Ư*

- Như trên;
- UBKT Công đoàn VEC;
- Kế toán CD VEC;
- Lưu: VT - CD VEC.

**TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Thế Cường

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG ĐOÀN GTVT VN

Số: 6756/QĐ-TLĐ

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2023

CÔNG VĂN ĐEN

NGÀY 14/03/2023

VÀO SỔ SỐ 323

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Dự toán tài chính Công đoàn năm 2023

ĐOÀN CHỦ TỊCH TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 5440/QĐ-TLĐ ngày 10/10/2022 của Tổng Liên đoàn về việc ban hành Quy định về nguyên tắc xây dựng và giao dự toán tài chính công đoàn năm 2023;
- Căn cứ Thông báo số 754/TB-TLĐ ngày 9/2/2023 của Thường trực Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn về việc xét duyệt Dự toán tài chính Công đoàn năm 2023;
- Xét đề nghị của Ban Tài chính Tổng Liên đoàn,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Dự toán tài chính Công đoàn năm 2023 với các chỉ tiêu sau:

I. Thu, chi tài chính của công đoàn các cấp (Biểu số 01)

1. Thu kinh phí công đoàn, đoàn phí công đoàn và thu khác

- Thu đoàn phí công đoàn: 5.294.814 triệu đồng
- Thu kinh phí công đoàn: 13.628.390 triệu đồng
- Cộng thu ĐPCĐ, KPCĐ: 18.923.204 triệu đồng**

- Thu khác: 917.524 triệu đồng, trong đó:

+ Thu khác tại công đoàn cơ sở: 276.770 triệu đồng

+ Thu khác tại công đoàn cấp trên cơ sở: 640.754 triệu đồng

Tổng cộng thu ĐPCĐ, KPCĐ, thu khác: 19.563.958 triệu đồng

(Mười chín nghìn tỷ năm trăm sáu mươi ba tỷ chín trăm năm mươi tám triệu đồng)

2. Phân phối chi kinh phí và đoàn phí công đoàn

- Công đoàn cơ sở được sử dụng (70% đoàn phí công đoàn + 75% kinh phí công đoàn + 100% thu khác): **14.523.832 triệu đồng**, chiếm 74,23% tổng số thu.
- Công đoàn các cấp trên cơ sở được sử dụng: (30 % ĐPCĐ + 25% KPCĐ + 100% thu khác): **5.636.296 triệu đồng**, chiếm 25,77 % tổng số thu.

Các Công đoàn cấp trên thực hiện dự phòng chi 5%

3. Số giao dự toán chi thường xuyên cho các cấp

- Số giao dự toán chi cho CĐCS: 14.523.832 triệu đồng.
- Số giao dự toán chi cho CĐCTCS: 5.386.519 triệu đồng.

Cộng số giao dự toán chi: 19.487.883 triệu đồng

(Mười chín nghìn tỷ bốn trăm tám mươi bảy tỷ tám trăm tám mươi ba triệu đồng)

II. Thu về cấp tổng dự toán Tổng Liên đoàn, số TLĐ cấp hỗ trợ (Biểu số 01)

1. Thu về cấp tổng dự toán Tổng Liên đoàn

Các đơn vị nộp nghĩa vụ về Tổng Liên đoàn:

- Công đoàn Ngành TW: 91.152 triệu đồng
- Liên đoàn Lao động tỉnh, TP: 546.933 triệu đồng

Cộng thu: 638.085 triệu đồng

(Sáu trăm ba mươi tám tỷ không trăm tám mươi lăm triệu đồng)

2. Số TLĐ cấp hỗ trợ

Tổng Liên đoàn cấp hỗ trợ cho LĐLĐ tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành trung ương và tương đương: **80.931 triệu đồng**

(Tám mươi tỷ chín trăm ba mươi một triệu đồng)

3. Kinh phí chỉ đạo phối hợp

- Các đơn vị nộp kinh phí chỉ đạo phối hợp: 18.108 triệu đồng
- Cấp kinh phí chỉ đạo phối hợp cho các đơn vị: 18.108 triệu đồng

(Mười tám tỷ một trăm linh tám triệu đồng)

(Số liệu chi tiết theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Giao đồng chí Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam phụ trách tài chính có trách nhiệm ký ban hành thông báo Dự toán tài chính Công đoàn năm 2023 cho các Liên đoàn Lao động các tỉnh, thành phố; các Công đoàn Ngành TW và tương đương; Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn.

Điều 3. Ban Tài chính Tổng Liên đoàn; các Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố; các Công đoàn Ngành TW và tương đương, Công đoàn Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực ĐCTTLD (để b/c);
- UBKT TLĐ ((để biết);
- Lưu: VT, TC.

TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH 
CHỦ TỊCH
BAN
CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG

Nguyễn Đình Khang

TỔNG HỢP GIAO DƯ TOÁN THU, CHI THƯỜNG XUYÊN TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN NĂM 2023

ĐƠN VỊ: 										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2011										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2012										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2013										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2014										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2015										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2016										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2017										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2018										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2019										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2020										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2021										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2022										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2023										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2024										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2025										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2026										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2027										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2028										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2029										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2030										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2031										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2032										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2033										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2034										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2035										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2036										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2037										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2038										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2039										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2040										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2041										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2042										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2043										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2044										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2045										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2046										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2047										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2048										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2049										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2050										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2051										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2052										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2053										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2054										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2055										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2056										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2057										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2058										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2059										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2060										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2061										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2062										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2063										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2064										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2065										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2066										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2067										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2068										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2069										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2070										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2071										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2072										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2073										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2074										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2075										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2076										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2077										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2078										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2079										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2080										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2081										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2082										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2083										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2084										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2085										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2086										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2087										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2088										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2089										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2090										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2091										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2092										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2093										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2094										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2095										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2096										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2097										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2098										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2099										SỐ DƯ TOÀN NĂM 2100									
TT	THÀNH VIÊN CHUYỂN N TRẠCH	SỐ LAO ĐỘNG	SỐ ĐOÀN VIÊN	THU		CÔNG THỨC		THU		THU KHÁC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC		CÔNG THỨC																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																															

Số: 1740/QĐ-CĐN

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự toán Tài chính công đoàn năm 2023

- Căn cứ Luật Công đoàn, Điều lệ Công đoàn Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 1908/QĐ-TLĐ ngày 19/12/2016 về việc ban hành quy định về quản lý tài chính, tài sản công đoàn, thu, phân phối nguồn thu và thưởng, phạt thu, nộp tài chính công đoàn;
- Căn cứ quyết định 6756/QĐ-TLĐ ngày 10/02/2023 của Đoàn Chủ tịch Công đoàn Việt Nam về việc phê duyệt Dự toán tài chính công đoàn năm 2023;
- Căn cứ thông báo số 812/TB-TLĐ ngày 12/5/2023 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc Giao dự toán thu và sử dụng tài chính công đoàn năm 2023;
- Căn cứ thông báo dự toán số 1739/DT-CĐCS và CĐCTCS ngày 29/5/2023 của Công đoàn GTVT Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Dự toán tài chính công đoàn năm 2023 với các chỉ tiêu sau:

I. Tích lũy TCCĐ đầu kỳ:

- Công đoàn cơ sở: 1.995.000.000 đồng
- Công đoàn cấp trên TT cơ sở: 261.354.000.000 đồng

II. Thu tài chính công đoàn:

1. Thu đoàn phí công đoàn: 51.581.000.000 đồng

- Khu vực HCSN: 9.481.000.000 đồng
- Khu vực SXKD: 42.100.000.000 đồng

2. Thu kinh phí công đoàn: 87.115.000.000 đồng

- Khu vực HCSN: 17.460.000.000 đồng
- Khu vực SXKD: 69.655.000.000 đồng

3. Thu khác: 9.850.000.000 đồng

- Khu vực HCSN: 2.206.000.000 đồng
- Khu vực SXKD: 7.644.000.000 đồng

Tổng thu tài chính Công đoàn: 148.546.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám tỷ, năm bốn mươi sáu nghìn đồng chẵn./.

III. Phân phối nguồn thu tài chính công đoàn:

1. Đoàn phí công đoàn:

- Công đoàn cơ sở được sử dụng: 70%
- Công đoàn cấp trên TT cơ sở: 15%

- Nộp Công đoàn Ngành và Tổng Liên đoàn: 30% (CĐ cơ sở trực thuộc CDN) và 15% (CĐ cấp trên TT cơ sở)

2. Kinh phí công đoàn:

- Công đoàn cơ sở được sử dụng: 75% KPCĐ

- Công đoàn cấp trên TT cơ sở: 12.5% KPCĐ

- Nộp Công đoàn Ngành và Tổng Liên đoàn: 25% (CĐ cơ sở trực thuộc CDN) và 12.5% (CĐ cấp trên TT cơ sở)

3. Thu khác: Các cấp công đoàn được sử dụng 100% nguồn thu khác tại đơn vị.

IV. Số giao dự toán chi thường xuyên cho các cấp:

1. Công đoàn cơ sở:

- Chi chăm lo bảo vệ người lao động.....:	3.753.000.000 đồng
- Chi tuyên truyền	1.552.000.000 đồng
- Chi quản lý hành chính:	935.000.000 đồng
- Chi phụ cấp cán bộ công đoàn:	1.290.000.000 đồng
- Chi khác:	434.000.000 đồng

2. Công đoàn cấp trên cơ sở:

- Chi chăm lo bảo vệ người lao động.....:	59.118.000.000 đồng
- Chi tuyên truyền	51.109.000.000 đồng
- Chi quản lý hành chính:	8.526.000.000 đồng
- Lương, phụ cấp và các khoản phải nộp theo lương:	17.123.000.000 đồng
+ Lương và các khoản nộp theo lương CB biên chế:	4.617.000.000 đồng
+ Phụ cấp cán bộ công đoàn:	12.506.000.000 đồng
- Chi khác:	3.511.000.000 đồng

3. Các công đoàn cấp trên cơ sở thực hiện dự phòng chi 5%

VI. Tài chính công đoàn cấp trên trực tiếp quản lý sử dụng:

1. Công đoàn Cấp trên cơ sở (đơn vị dự toán cấp 3):

+ Đoàn phí:	14.239.800.000 đồng
+ Kinh phí:	19.708.750.000 đồng
+ Kinh phí chi đạo phối hợp:	788.350.000 đồng

2. Công đoàn Ngành (đơn vị dự toán cấp 2):

+ Đoàn phí:	- Công đoàn cơ sở:	1.234.500.000 đồng
	- Công đoàn cấp trên TT cơ sở:	7.119.900.000 đồng
+ Kinh phí:	- Công đoàn cơ sở:	2.070.000.000 đồng
	- Công đoàn cấp trên cơ sở:	9.854.375.000 đồng
+ Kinh phí chi đạo phối hợp:		788.350.000 đồng

3. Tổng Liên đoàn:

+ Kinh phí và đoàn phí:

2.548.000.000 đồng

+ Kinh phí chỉ đạo phối hợp:

788.350.000 đồng

Điều 2: Các cấp công đoàn có trách nhiệm thực hiện tốt việc phân cấp thu và phân phối nguồn thu tài chính công đoàn theo quy định của Nhà nước và Tổng Liên đoàn. Giao cho đồng chí Phụ trách tài chính Công đoàn GTVT Việt Nam có trách nhiệm ký thông báo dự toán TCCĐ năm 2023 cho các đơn vị trực trực thuộc.

Điều 3: Văn phòng, Ủy Ban kiểm tra, Bộ phận Tài chính, các Công đoàn trực thuộc Công đoàn Giao thông vận tải Việt Nam có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đc Chủ tịch, các Đc PCT;
- Lưu: VP; BP TC CĐN.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH



Phạm Hoài Phương

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
CỘNG ĐOÀN GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM



HỢP GIAO DƯ TOÀN THU, CHI THƯỜNG XUYÊN TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN NĂM 2023
CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ

(Kèm theo quyết định số 1740/QĐ-CDN ngày 29/5/2023)

ĐVT: triệu đồng

ĐVT: triệu đồng																				
CÁC CHỈ TIÊU THU, CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN																				
CHI TIÊU CƠ BẢN				THU TCCĐ						SỐ ĐƯỢC CHI THEO SỐ THU										
TT	TÊN ĐƠN VỊ	Số LĐ		Số ĐV	Tích lũy TCCĐ	Thu ĐPCĐ 1%		Cấp trên KPCĐ	Thu khác		Cộng thu TCCĐ	Chi trực tiếp chăm lo, bảo vệ, truyền...	Chi tuyển	Chi QLHC	Phụ cấp CBCĐ	Chi khác	Đoàn phí nộp cấp trên	Cộng chi TCCĐ	Cán đối thu chi	KPCĐ phải nộp trong năm
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	18	19	21	22				
I	Đơn vị khối HCSN	1,176	1,176	414	729	1,095	10	1,834	657	273	165	228	78	221	1,622	626	365			
1	CĐ Trường CĐ GTVT TW 1	186	186	5	128	192		320	115	48	29	40	13	38	283	42	64			
2	CĐ Trường CĐ GTVT TW 2	267	267	50	186	279		465	167	70	42	57	20	56	412	103	93			
3	CĐ Trường CĐ GTVT TW 4	86	86	3	65	97	0	162	58	24	15	20	7	20	144	21	32			
4	CĐ Trường Cán bộ quản lý	44	44	9	35	53		88	32	13	8	11	4	11	79	18	18			
5	CĐ Cục Quản lý đầu tư xây dựng	78	78	147	62	94		156	56	23	14	20	7	19	139	164	31			
6	CĐ Cục Đường sắt Việt Nam	109	109	146	94	141	10	245	85	35	21	30	10	28	209	182	47			
7	CĐ Viện Chiến lược GTVT	63	63	52	45	68		113	41	17	10	14	5	14	101	64	23			
8	CĐ Viện Khoa học GTVT	320	320	2	85	128		213	77	32	19	27	9	26	190	25	43			
9	CĐ Cơ quan Công đoàn GTVT Việt Nam	23	23		29	43		72	26	11	7	9	3	9	65	7	14			
10	Công đoàn Ban QLDA 85	87	87	6	59	89	0	148	53	22	13	19	6	18	131	23	30			
11	Công đoàn Ban QLDA Đường Hồ Chí Minh	125	125	176	114	171		285	103	43	26	36	12	34	254	207	57			
12	Công đoàn Cục Đường cao tốc Việt Nam	19	19		16	23		39	14	6	4	5	2	5	36	3	8			
II	Đơn vị khối SXKD	5,612	5,605	1,581	3,386	5,115	30	8,531	3,096	1,279	770	1,062	356	996	7,559	2,553	1,705			

98

C CHI TIÊU THU, CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN																		
TT	TÊN ĐƠN VỊ	CHI TIÊU CƠ BẢN			THU TCCĐ				SỐ ĐƯỢC CHI THEO SỐ THU									
		Số LĐ	Số ĐV	Tích lũy TCCĐ	Thu ĐPCĐ 1%	Cấp trên cấp 75% KPCĐ	Thu khác	Cộng thu TCCĐ	Chi tiếp chăm lo, bảo vệ, đào tạo	Chi tuyển truyền...	Chi QLHC	Phụ cấp CBCĐ	Chi khác	Đoàn phí nộp cấp trên	Cộng chi TCCĐ	Cán đối thu chi	KPI phải trả	
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	18	19	21	22		
1	Công đoàn Ban QLDA 6	120	120	164	95	143		238	86	36	21	30	10	29	212	190		
2	Công đoàn Ban QLDA 7	91	91	4	66	99	0	165	59	25	15	21	7	20	147	22		
3	CĐ TCT XDCT Giao thông 6-CTCP	128	128		35	53		88	32	13	8	11	4	11	79	9		
4	Công đoàn Ban QLDA Đường sắt	121	121	16	95	143	0	238	86	36	21	30	10	29	212	42		
5	CĐ BQLDA Mỹ Thuận	112	112	112	97	145	-	242	111	36	22	30	10	29	238	116		
6	CĐ BQLDA Thăng Long	165	165	375	110	165	-	275	99	41	25	35	12	33	245	405		
7	CĐ BQLDA Hàng hải	55	55	3	32	48		80	29	12	7	10	3	10	71	12		
8	CĐ Công ty CP Traphaco	796	796	515	650	975	30	1,655	585	244	146	205	68	200	1,448	722		
9	CĐ Công ty CP Đa Phương thức	130	130	4	198	332		530	199	83	50	62	21	29	444	90		
10	CĐ Công ty CP PTNNL LOD	165	165	6	150	225		375	135	56	34	47	16	45	333	48		
11	CĐ Công ty CP Vạn Xuân	49	49		35	53		88	32	13	8	11	4	11	79	9		
12	CĐ Công ty CP Vật tư thiết bị GTVT	182	182	107	103	155		258	93	37	23	32	11	31	227	138		
13	CĐ Công ty CP Traenco	58	58	3	32	48		80	29	12	7	10	3	10	71	12		
14	CĐ Công ty CP Bệnh viện GTVT	330	330	210	212	318		530	191	80	48	67	22	64	472	268		
15	CĐ Công ty CP Cung ứng nhựa đường	168	161		100	150		250	90	38	23	32	11	30	224	26		
16	CĐ Công ty CP Đầu tư Thành Mỹ	39	39		23	35		58	21	9	5	7	2	7	51	7		
17	CĐ Công ty CP VINAFCO	210	210		55	83		138	50	21	13	14	6	17	121	17		
18	CĐ Công ty CP ĐT và XD Giao thông Phương Thành	779	779		462	693		1,155	416	173	104	146	49	139	1,027	128	2	
19	CĐ Công ty CP Du lịch tiếp thị GTVT	1,218	1,218		438	653		1,091	395	164	99	138	46	132	974	117	2	

CÁC CHỈ TIÊU THU, CHI TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN																
TÊN ĐƠN VỊ	CHỈ TIÊU CƠ BẢN			THU TCCD					SỐ ĐƯỢC CHI THEO SỐ THU							
	Số LD	Số DV	Tích lũy TCCD	Thu ĐPCD 1%	Cấp trên KPCD	Thu khác	Công thu TCCD	Chi trực tiếp chăm lo, bảo vệ, dân	Chi tuyển truyền...	Chi QLHC	Phụ cấp CBCD	Chi khác	Đoàn phí nộp cấp trên	Công chi TCCD	Cân đối thu chi	KPCD phải nộp trong năm
2	4	3	6	7	8	9	10	11	12	13	15	18	19	21	22	
Đ Công ty CP Dịch vụ Vận tải Sài Gòn	60	60		35	54		89	32	14	8	11	4	11	80	9	18
Đ Công ty CP tư vấn thiết kế GTVT Phía Nam	360	360		220	330		550	198	83	50	69	23	66	489	61	110
Đ Công ty CP Thương mại Du lịch SUNTRAVEL	17	17	6	12	18		30	11	5	3	4	1	4	28	8	6
Đ Công ty CP 1 Traco	86	86	14	35	53		88	32	13	8	11	4	11	79	23	18
Đ Bảo Giao thông	80	80	42	48	72		120	43	18	11	15	4	14	105	57	24
Đ Công ty CP Đầu tư Khai thác Cảng	38	38		14	21		35	12	5	3	4	1	4	29	6	7
Đ Tập chí GTVT	27	27		17	25		42	15	6	4	5	2	5	37	5	8
Đ Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản	28	28		17	26		43	15	6	4	5	2	5	37	6	9
Đ Công ty Cổ phần 168	80	80		45	67		112	40	17	10	14	5	13	99	13	22
Đ Công ty Cổ phần vận tải thuê tàu	70	70		39	59		98	35	15	9	12	4	12	87	11	20
Đ Ban quản lý các dự án đường thủy	52	52		38	58		96	35	14	9	12	4	12	86	10	19
TỔNG CỘNG (A+B)	6,788	6,781	1,995	4,115	6,210	40	10,365	3,753	1,552	935	1,290	434	1,217	9,181	3,179	2,070

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
CÔNG ĐOÀN GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM



HỢP HỢP GIAO DƯ TOÁN THU, CHI THƯỜNG XUYÊN TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN NĂM 2023
CÔNG ĐOÀN CẤP TRÊN CƠ SỞ
(Kèm theo Quyết định 1740/QĐ-CDN ngày 29/05/2023)

TT		TÊN ĐƠN VỊ	CHI TIÊU CƠ BẢN				THU TCCĐ						SỐ ĐƯỢC CHI THEO SỐ THU										TCCĐ nộp cấp trên	Chi khác	Cộng chi TCCĐ
			CB chuyển n trách	Số LB	Số DV	TÍCH LŨY ĐẦU KỲ	Thu DPCĐ	Thu KPCĐ	Thu khác	Cộng thu TCCĐ	Chi trực tiếp chăm lo, bảo vệ, đào tạo,...	Chi tuyên truyền...	Chi QLHC	Chi lương, PC và các khoản phải nộp theo lương			Chi HĐ của đv chưa thành lập CBCS								
														Lương trong BC	Phụ cấp CBCĐ	Các khoản phải nộp									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21					
A	Đơn vị khối HCSN	10	13.543	13.363	44.533	8.752	16.000	2.196	26.948	11.906	11.343	2.201	1.732	3.089	239	0	878	3.266	34.654						
1	CD Cục Hàng không VN	0	957	923	17.559	564	1.240	985	2.789	1.211	1.022	200		299			142	252	3.126						
2	CD Cục Đường bộ VN	5	4.707	4.678	10.773	2.270	4.566	287	7.123	3.302	3.391	773	767	818	127		168	907	10.253						
3	CD Cục Đường thủy NDVN	2	2.447	2.412	2.205	1.439	2.878		4.317	1.777	1.681	235	385	700	40		120	621	5.559						
4	CD Cục Đăng kiểm		1.269	1.264	3.773	1.682	1.722	67	3.471	1.684	1.349	257		319			135	485	4.229						
5	CD Cục Hàng hải Việt Nam	2	2.640	2.640	8.700	1.725	3.450	820	5.995	2.732	2.601	536	480	541	40		230	590	7.750						
6	CD Cơ quan bộ GTVT	1	336	336	683	335	670		1.005	352	350	53	100	90	32		30	101	1.108						
7	CD Cục Y tế		543	543	346	289	579	36	904	342	368	39		160			12	122	1.043						
8	CD Trường Đại học Công nghệ GTVT		644	567	494	448	895	1	1.344	506	581	108		162			41	188	1.586						
B	Đơn vị khối SXKD	18	39.142	38.949	216.821	38.714	62.835	7.614	109.163	47.212	39.766	6.325	2.529	9.417	117	0	2.633	16.168	124.167						
1	CD TCT Công nghiệp Tàu thủy	10	8.529	8.529	54.100	5.416	11.674	1.300	18.390	9.500	6.032	1.341	1.600	1.217			220	2.797	22.707						
2	CD TCT Cảng Hàng không Việt Nam	0	14.291	14.236	114.000	18.434	23.754	4.982	47.170	17.086	18.036	2.019		3.057			1.173	6.803	48.174						
3	CD TCT Quản Lý bay Việt Nam		3.570	3.570	13.968	5.700	11.400	657	17.757	8.828	5.679	1.289		1.851			514	2.793	20.954						
4	CD TCT Bảo đảm ATHH Miền Nam	2	1.745	1.700	2.960	1.952	2.871	9	4.832	2.024	1.355	333	268	688	61		220	781	5.730						
5	CD TCT Bảo đảm ATHH Miền Bắc	1	1.569	1.569	5.154	1.633	2.793	147	4.573	1.418	1.923	255	130	373				567	4.666						
6	CD TCT Đường cao tốc VN		1.360	1.360	2.464	1.245	1.675	36	2.956	1.610	938	186		406			151	472	3.763						

ĐVT: triệu đồng

ĐVT: triệu đồng

SỐ GIAO DƯ TOÁN NĂM 2023

SỐ GIAO DƯ TOÁN NĂM 2023

TT		TÊN ĐƠN VỊ		CHI TIÊU AN		THU TCCD					SỐ ĐƯỢC CHI THEO SỐ THU								Cộng TC				
						CB chuyển n. trách	Số LĐ	Số ĐV	TÍCH LŨY ĐẦU KỲ	Thu ĐPCD	Thu KPCC	Thu khác	Cộng thu TCCD	Chi trực tiếp chăm lo, bảo vệ, đào tạo...	Chi tuyên truyền...	Chi QLHC	Chi lương, PC và các khoản phải nộp theo lương			Chi HD của đv chưa thành lập CBCS	Chi khác	TCCD nộp cấp trên	
																	Lương trong BC	Phụ cấp CBCD					Các khoản phải nộp
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20				
7	CĐ TCT Công nghiệp Ô tô Việt Nam	1	548	924	12.862	700	1.400	36	2.136	2.540	1.540	200	160	450				19	21				
8	CĐ TCT Tập đoàn Ciencco 4	1	2.252	2.169	2.170	544	1088		1.632	950	698	235		305			220	343	5				
9	CĐ TCT XDCT Giao thông 8		696	484	5.378	272	544	290	1.106	248	939	100		121			25	267	2				
10	CĐ TCT Tư vấn thiết kế GTVT	0	1.560	1.456	2.360	850	1.700		2.550	1.150	850	150		500			80	417					
11	CĐ TCT Thương mại và Xây dựng		672	672	531	400	800	52	1.252	685	540			87				196					
12	CĐ TCT Thăng Long	2	823	778	534	718	1436		2.154	539	205	167	261	119	56			230					
13	CĐ TCT Đường sông Miền Nam	1	727	702	340	550	1100	30	1.680	454	781	25	110	163				234					
14	CĐ TCT Vận tải thủy	-	800	800	-	300	600	75	975	180	250	25		80			30	140					
TỔNG CỘNG (A+B)		28	52.685	52.312	261.354	47.466	78.835	9.810	136.111	59.118	51.109	8.526	4.261	12.506	356		3.511	19.434	15				

TỔNG LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG VIỆT NAM
CÔNG ĐOÀN GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆT NAM

Số: 1911/CĐN

V/v: Mở tài khoản chuyên thu KPCĐ 2%;
phân cấp và phân phối nguồn thu TCCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2023

Kính gửi: Các công đoàn trực thuộc

Căn cứ Nghị định số 191/2012/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết về tài chính công đoàn;

Căn cứ Quyết định 1908/QĐ-TLĐ ngày 19/12/2016 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành quy định về quản lý tài chính, tài sản công đoàn, thu, phân phối nguồn thu và thưởng phạt thu TCCĐ;

Căn cứ Quyết định số 174/QĐ-TLĐ ngày 03/2/2020 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc ban hành điều lệ Công đoàn Việt Nam;

Thực hiện Quyết định số 2550/QĐ-TLĐ và hướng dẫn số 22/HD-TLĐ ngày 29/4/2021 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc thực hiện chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp trong các đơn vị kế toán cơ quan công đoàn;

Thực hiện Quyết định số 6756/QĐ-TLĐ ngày 10/02/2023 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về việc phê duyệt Dự toán tài chính Công đoàn năm 2023;

Thực hiện Kết luận của Kiểm toán Nhà nước chuyên Ngành III về việc kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công trong phân cấp thu kinh phí Công đoàn 2% tại Công đoàn Giao thông vận tải Việt Nam.

Từ năm 2022, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam thực hiện quản lý tài chính, tài sản công đoàn theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp (QĐ 2550/QĐ-TLĐ và hướng dẫn số 22/HD-TLĐ). Trong quá trình thực hiện quyết toán thu, chi tài chính công đoàn năm 2022, Công đoàn GTVT Việt Nam và các Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở (ĐV dự toán cấp 2 và cấp 3) gặp nhiều khó khăn trong thực hiện quyết toán phần thu kinh phí công đoàn (KPCĐ) và đoàn phí công đoàn (ĐPCĐ) theo quy định, do nhiều đơn vị còn quyết toán chưa đúng phân cấp thu KPCĐ và ĐPCĐ theo quy định, cụ thể: Công đoàn cơ sở còn tự thu và quyết toán KPCĐ 2%, Công đoàn cấp trên TT cơ sở thu ĐPCĐ 1% từ chuyên môn chuyển sang và quyết toán ĐPCĐ, dẫn đến việc tổng hợp quyết toán số thu KPCĐ và ĐPCĐ trên phần mềm mới theo quyết định 2550/QĐ-TLĐ và hướng dẫn 22/HD-TLĐ sai quy định.

Để đảm bảo việc thực hiện đúng phân cấp thu, phân phối nguồn thu KPCĐ và ĐPCĐ theo quy định, Công đoàn Giao thông vận tải Việt Nam đề nghị các công đoàn trực thuộc thực hiện việc phân cấp thu và phân phối nguồn thu TCCĐ cụ thể như sau:

ch

I. PHÂN CẤP THU

1. Đoàn phí Công đoàn:

Đoàn phí công đoàn do đoàn viên đóng và phân cấp cho công đoàn cơ sở thu (điều 20, quyết định 1908/QĐ-TLĐ). Căn cứ vào tổng quỹ tiền lương đóng BHXH hàng tháng, Công đoàn cơ sở được phân cấp thu 1% đoàn phí Công đoàn theo quy định. Cuối năm tài chính tổng hợp số ĐPCĐ thu được trong năm quyết toán vào mã số 22 mục lục TCCĐ, biểu mẫu B07/TLĐ báo cáo quyết toán thu, chi TCCĐ.

2. Kinh phí công đoàn:

2.1. Công đoàn khối HCSN:

Kinh phí công đoàn do ngân sách Trung ương hoặc ngân sách địa phương bảo đảm toàn bộ hoặc một phần kinh phí hoạt động thường xuyên. Kinh phí công đoàn 2% do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đóng cho tổ chức công đoàn theo quy định của Luật Công đoàn và Nghị định 191/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết về tài chính công đoàn. Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở, Công đoàn Giao thông vận tải Việt Nam được phân cấp thu đối với các đơn vị trực tiếp quản lý. Đồng thời phối hợp Kho bạc Nhà nước tỉnh, thành phố hoặc Kho bạc Nhà nước quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh để thực hiện công tác thu KPCĐ (điều 19 quyết định 1908/QĐ-TLĐ).

- Các công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn GTVT Việt Nam hàng tháng phối hợp với cơ quan chuyên môn nộp KPCĐ 2% về tài khoản Công đoàn GTVT Việt Nam tại kho bạc cụ thể như sau:

+ Tên đơn vị thụ hưởng: **Công đoàn GTVT Việt Nam**

+ Số TK kho bạc: **3751.1111309.00000**

+ Tại: **Kho bạc Nhà nước Quận Hoàn Kiếm**

- Các công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở được phân cấp thu KPCĐ 2% khối hành chính sự nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn và cung cấp số tài khoản của đơn vị mình cho đối tượng đóng kinh phí theo quy định.

- **Lưu ý:** Các công đoàn cơ sở là đơn vị được nhận 75% kinh phí theo tỷ lệ phân phối, do đó không được quyết toán thu KPCĐ 2% vào mã số 23 mục lục TCCĐ, biểu mẫu B07/TLĐ báo cáo quyết toán thu, chi TCCĐ.

2.2. Khối sản xuất kinh doanh:

Từ năm 2018 đến nay, để thực hiện đúng việc phân cấp thu KPCĐ, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã triển khai hướng dẫn, thực hiện phân cấp thu và phân phối tự động KPCĐ 2% đối với các công đoàn khối đơn vị SXKD qua tài khoản Công đoàn Việt Nam tại 3 ngân hàng: VIETINBANK; AGRIBANK; BIDV.

- Thông tin tài khoản nhận kinh phí công đoàn tại VIETINBANK

+ Tên tài khoản: **Công đoàn Việt Nam**
+ Số tài khoản: **117001366668**
+ Tại Ngân hàng **TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Hoàng Mai**
(Kèm theo hướng dẫn số 1305/HD - TLĐ ngày 15/8/2017 hướng dẫn thu kinh phí công đoàn khu vực sản xuất kinh doanh qua tài khoản Công đoàn Việt Nam mở tại Ngân hàng Công thương Việt Nam)

- Thông tin tài khoản tại Ngân hàng **AGRIBANK**
+ Tên tài khoản: **Công đoàn Việt Nam**
+ Số tài khoản: **1400 288 668 989**
+ Mở tại: **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam**
(Kèm theo hướng dẫn số 09/HD - TLĐ ngày 10/9/2020 hướng dẫn thu kinh phí công đoàn khu vực sản xuất kinh doanh qua tài khoản Công đoàn Việt Nam mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam)

- Thông tin tài khoản tại Ngân hàng **BIDV**
+ Tên tài khoản: **Công đoàn Việt Nam**
+ Số tài khoản: **V2TT + Mã số thuế của đơn vị**
+ Mở tại: **Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam**
Kèm theo hướng dẫn số 85/HD - TLĐ ngày 18/4/2023 hướng dẫn thu kinh phí công đoàn khu vực sản xuất kinh doanh qua tài khoản Công đoàn Việt Nam mở tại Ngân hàng Đầu tư và phát triển nông thôn Việt Nam

- **Lưu ý lệnh chuyển tiền tại các Ngân hàng ghi rõ: Mã số thuế..... Tổng Công ty/ Công ty..... đóng KPCĐ tháng/quý/năm**

Căn cứ công văn số 3400/TC-TLĐ ngày 31/12/2021, Tổng Liên đoàn đã thực hiện việc phân phối tự động nguồn thu KPCĐ qua tài khoản chuyên thu tại Ngân hàng: **VIETINBANK; AGRIBANK; BIDV** theo tỷ lệ phân phối như sau:

- 75% KPCĐ được cấp trả cho công đoàn cấp cơ sở (ĐV dự toán cấp 4)
- 9% KPCĐ được cấp trả cho công đoàn cấp trên TT cơ sở (ĐV dự toán cấp 3)
- 6.5% KPCĐ được cấp trả Công đoàn Ngành (ĐV dự toán cấp 2)
- 9.5% KPCĐ nộp Tổng Liên đoàn (ĐV dự toán cấp 1)

II. PHÂN PHỐI THU KINH PHÍ CÔNG ĐOÀN VÀ ĐOÀN PHÍ CÔNG ĐOÀN

1. Đoàn phí công đoàn: 100% đoàn phí thu tại công đoàn cơ sở được phân phối như sau:

- + Công đoàn cơ sở được sử dụng: 70% ĐPCĐ
- + Công đoàn cấp trên TT cơ sở: 15% ĐPCĐ

+ Nộp Công đoàn Ngành và Tổng Liên đoàn: 30% (CD cơ sở trực thuộc CDN) và 15% (CD cấp trên TT cơ sở)

2. Kinh phí công đoàn: 100% kinh phí công đoàn nộp lên cấp trên được phân phối như sau:

+ Công đoàn cơ sở được sử dụng: 75% KPCĐ

+ Công đoàn cấp trên TT cơ sở: 12.5% KPCĐ

+ Nộp Công đoàn Ngành và Tổng Liên đoàn: 25% (CD cơ sở trực thuộc CDN) và 12.5% (CD cấp trên TT cơ sở)

+ Các Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở (đơn vị dự toán cấp 3) trong năm tài chính đã quyết toán KPCĐ 2% nộp về tài khoản chuyên thu của Tổng Liên đoàn, cuối năm tài chính căn cứ vào báo cáo quyết toán, Công đoàn GTVT Việt Nam sẽ thực hiện cấp trả bù trừ đủ 3,5% KPCĐ theo tỷ lệ phân phối.

Để thực hiện đúng việc phân cấp thu và phân phối nguồn thu KPCĐ và ĐPCĐ theo quy định của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. Công đoàn GTVT Việt Nam đề nghị các công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở và công đoàn cơ sở trực thuộc thực hiện tốt việc phân cấp và phân phối nguồn thu TCCĐ theo quy định. Yêu cầu các công đoàn khối đơn vị sản xuất kinh doanh triển khai, thực hiện nghiêm túc việc mở tài khoản, đồng thời nộp kinh phí công đoàn 2% về tài khoản chuyên thu của Tổng Liên đoàn để đồng nhất việc quản lý nguồn thu KPCĐ và ĐPCĐ theo đúng quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần giải quyết, đề nghị các đơn vị phối hợp kịp thời với Công đoàn GTVT Việt Nam được hướng dẫn triển khai thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đc Chủ tịch, các Đc PCT;
- Lưu: VP; BP TC CDN

TM. BAN THƯỜNG VỤ

CHỦ TỊCH



Phạm Hoài Phương